TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2024
V*/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chính; ông Phạm Công Định.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phùng Thị Mai – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Số C đường V, khu V, thành phố Đ, Đài Loan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị O – Luật sư công ty L; Địa chỉ: Số B ngõ D D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

Người được chị T ủy quyền giao nhận văn bản: Anh Phạm Tiến Đ; Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tất T1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn T2, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tất T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 27/05/2011 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã Q, thị xã K, Hải Dương). Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách. Anh T1 chơi bời, hay cầm cố tài sản trong gia đình, không có trách nhiệm với con cái. Do kinh tế khó khăn nên chị và anh T1 phải đi lao động ở Đài Loan, anh T1 đã về nước còn chị vẫn tiếp tục ở lại đó làm việc. Nay chị xác định vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Tất Tùng A, sinh ngày 23/6/2017 hiện nay hai cháu đang ở nhà bố mẹ đẻ chị là ông Vũ Văn T2 và bà Hoàng Thị Đ1, địa chỉ ở N, L, K, Hải Dương. Chị xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Do chị đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1 thay chị chăm sóc các con cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị và anh T1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Phạm Tiến Đ thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị bị đơn anh Nguyễn Tất T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống tại thôn thôn X, xã Q (nay là xã Q), thị xã K, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là những mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2019 chị T đi lao động ở Đài Loan, thời gian

đầu vợ chồng vẫn liên lạc qua điện thoại nhưng dần dần chị T ít liên lạc sau đó cắt hẳn liên lạc và không còn quan tâm đến anh nữa. Đến nay chị T làm đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Tất Tùng A, sinh ngày 23/6/2017 hiện nay hai cháu đang cùng với ông bà ngoại là ông Vũ Văn T2 và bà Hoàng Thị Đ1. Chị T xin được nuôi cả hai con chung và ủy quyền cho ông T2, bà Đ1 chăm sóc các con cho đến khi chị T về nước, anh nhất trí với quan điểm của chị T.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Anh và chị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện bận công việc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Vũ Thị Huyền T. Chị T, anh T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, tính cách. Anh T1 mải chơi không tu chí làm ăn. Do kinh tế quá khó khăn nên từ năm 2013 chị T và anh T1 cùng đi xuất khẩu lao động sang M nhưng do anh T1 không tu chí nên vợ chồng anh T1 vẫn không có kinh tế. Đến năm 2016 thì hai vợ chồng về nước một thời gian sau sinh cháu Nguyễn Tất Tùng A, khi cháu Tùng A được 13 tháng vợ chồng anh T1 chị T lại quyết định đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan, anh T1 sang được một thời gian thì về Việt Nam còn chị T vẫn tiếp tục ở lại lao động. Từ đó mâu thuẫn của vợ chồng chị T càng nghiêm trọng, vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Chị T và anh T1 có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Tất Tùng A, hai cháu đang ở với ông bà. Chị T xin được nuôi cả hai con chung và ủy quyền cho ông bà chăm sóc hai cháu trong thời gian chị trang lao động ở nước ngoài. Ông bà nhất trí quan điểm của chị T.

Cháu Nguyễn Thị Yến N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với mẹ và tiếp tục ở cùng với ông bà ngoại.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt ghi giữ nguyên các quan điểm đã trình bày. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành

pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Vũ Thị Huyền T ly hôn anh Nguyễn Tất T1; Về con chung: Giao 2 con chung là Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Tất Tùng A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Thị Yến N và Nguyễn Tất Tùng A cho ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1 nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị T lao động ở nước ngoài. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương hiện chị đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan; bị đơn anh Nguyễn Tất T1 hiện đang sinh sống tại thôn X, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị T không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Phạm Tiến Đ nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền T và anh Nguyễn Tất T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn 27/05/2011 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã Q, thị xã K, Hải Dương) là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị T, anh T1 có cơ sở xác định quá trình chị T, anh T1 chung

sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách. Chị T trình chị và anh T1 đã sống ly thân từ lâu, không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T1. Anh T1 cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Tất Tùng A, sinh ngày 23/6/2017, hiện nay hai con cháu đang ở cùng ông bà ngoại là ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1. Chị T xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Do chị đang làm việc ở nước ngoài nên chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông T2, bà Đ1 chăm sóc các con chị cho đến khi chị về nước. Anh T1, ông T2, bà Đ1 đều nhất trí quan điểm của chị T. Hội đồng xét xử thấy hiện các con chung của chị T, anh T1 đang ở với ông T2, bà Đ1, điều kiện về chỗ ở, học tập đều đảm bảo. Cháu Yến N đã trên 7 tuổi trình bày nguyện vọng xin được ở mẹ. Do đó đề nghị của đương sự về nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, anh T1, giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Tất Tùng A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Tất Tùng A cho ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Vũ Thị T về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Huyền T, xử cho chị Vũ Thị Huyền T ly hôn anh Nguyễn Tất T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/04/2012 và Nguyễn Tất Tùng A, sinh ngày 23/6/2017 cho chị Vũ Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Tất T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Tạm giao con chung Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Tất Tùng A cho ông Vũ Văn T2, bà Hoàng Thị Đ1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị Vũ Thị Huyền T về Việt Nam.

3. Án phí: Chị Vũ Thị Huyền T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0000508 ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Phạm Tiến Đ nộp thay).

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Q, K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy